

MÔ HÌNH GIẢNG DẠY ĐỌC HIỂU TIẾNG TRUNG QUỐC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TƯ DUY PHẢN BIỆN

Phạm Thị Chuẩn¹, Nguyễn Minh Phương¹
Email: phamchuanTQ@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/07/2025

Ngày phản biện đánh giá: 12/09/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.977

Tóm tắt: Bài viết nhấn mạnh vai trò trung tâm của việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong giảng dạy đọc hiểu cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc. Tư duy phản biện không chỉ là công cụ hỗ trợ quá trình đọc hiểu ở chiều sâu, mà còn là năng lực cốt lõi giúp sinh viên phân tích, đánh giá và sáng tạo tri thức một cách chủ động. Trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa tư duy phản biện và năng lực đọc hiểu, nghiên cứu đề xuất mô hình giảng dạy bốn giai đoạn: giải mã văn bản - chất vấn phân tích - thảo luận phản tư - vận dụng mở rộng. Mô hình này tạo điều kiện để sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức ngôn ngữ, mà còn hình thành thói quen đặt câu hỏi, so sánh đa chiều, phản tư và sáng tạo. Kết quả kỳ vọng là nâng cao năng lực tư duy phản biện bền vững, góp phần phát triển năng lực học tập tự chủ và năng lực giao lưu liên văn hóa trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Từ khóa: tư duy phản biện, đọc hiểu, tiếng Trung Quốc, mô hình giảng dạy

I. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, tư duy phản biện ngày càng được chú trọng trong lĩnh vực giáo dục ngôn ngữ, được xem là một bộ phận quan trọng trong hệ thống năng lực cốt lõi của sinh viên. Năng lực này không chỉ giúp người học phân tích, đánh giá và xử lý thông tin một cách logic, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành khả năng tự học, tự chủ và năng lực giải quyết vấn đề trong bối cảnh xã hội toàn cầu hóa. Tuy nhiên, trong thực tiễn giảng dạy, đặc biệt ở lớp học ngoại

ngữ tiếng Trung Quốc, tư duy phản biện vẫn thường ở vị trí ngoại biên; sinh viên chủ yếu tiếp nhận kiến thức một chiều, tập trung vào việc ghi nhớ ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp, trong khi cơ hội để đặt câu hỏi, phản biện và phân tích sâu còn hạn chế. Điều này dẫn đến hiện tượng nhiều sinh viên có thể đọc trôi chảy văn bản tiếng Trung Quốc nhưng lại thiếu năng lực phân tích, đánh giá và ứng dụng thông tin một cách sáng tạo.

Bài viết này lựa chọn đối tượng là sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc,

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

nhằm thảo luận cách thức tích hợp hiệu quả việc phát triển tư duy phản biện trong giảng dạy đọc hiểu. Thông qua việc phân tích mối quan hệ giữa tư duy phản biện và năng lực đọc hiểu, bài viết nhấn mạnh rằng đọc hiểu không chỉ là quá trình nhận diện ký hiệu và nắm bắt ý nghĩa, mà còn là quá trình đối thoại tư duy giữa người học với văn bản. Khi người học biết đặt câu hỏi về giả định của tác giả, kiểm chứng tính logic trong lập luận, so sánh các quan điểm đa chiều và liên hệ với thực tiễn, họ đã bước vào quá trình phát triển tư duy phản biện. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất mô hình giảng dạy kết hợp bốn giai đoạn: *giải mã văn bản - chất vấn phân tích - thảo luận phản tư - vận dụng mở rộng*.

Giải mã văn bản giúp sinh viên xác định chính xác thông tin bề mặt (từ vựng, ngữ pháp, cấu trúc).

Chất vấn phân tích khuyến khích sinh viên phát hiện những điểm còn mơ hồ, thiếu logic trong văn bản, đặt câu hỏi về quan điểm và bằng chứng.

Thảo luận phản tư tạo cơ hội cho sinh viên tranh luận, đối chiếu các ý kiến khác nhau, từ đó phát triển năng lực biện luận và điều chỉnh tư duy của bản thân.

Vận dụng mở rộng yêu cầu sinh viên liên hệ nội dung đọc hiểu với bối cảnh xã hội, văn hóa hoặc kinh nghiệm cá nhân, qua đó mở rộng chiều sâu tư duy và nâng cao năng lực ứng dụng.

Mô hình này nhấn mạnh vai trò trung tâm của giảng viên trong việc kiến tạo môi trường học tập cởi mở, khuyến khích sinh viên không chỉ “học thuộc” mà còn “học để tư duy”. Bằng việc sử dụng các phương pháp như thảo luận nhóm, tranh biện, phản biện chéo, cùng với yêu cầu sinh viên tự tìm kiếm và đánh giá tư liệu bổ trợ, quá trình dạy học đọc hiểu sẽ trở thành một

không gian đối thoại đa chiều thay vì chỉ là hoạt động tiếp nhận thụ động. Kết quả kỳ vọng của mô hình không chỉ dừng lại ở việc cải thiện kỹ năng đọc hiểu tiếng Trung, mà còn góp phần hình thành phẩm chất tư duy phản biện mang tính bền vững, hỗ trợ cho quá trình học tập suốt đời. Đồng thời, khi được rèn luyện trong môi trường lớp học ngoại ngữ, sinh viên còn có khả năng phát triển năng lực giao lưu liên văn hóa, biết so sánh, phân tích và đánh giá sự khác biệt giữa các hệ giá trị, cũng như nâng cao năng lực thích ứng trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Như vậy, việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc không chỉ là một xu thế tất yếu của đổi mới giáo dục đại học, mà còn là nền tảng để đào tạo thế hệ sinh viên có tư duy độc lập, tự phản tư và sáng tạo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội tri thức hiện đại.

II. Cơ sở lý thuyết

Trong bối cảnh cải cách giáo dục hiện nay, việc phát triển năng lực tư duy bậc cao đã trở thành một trong những mục tiêu quan trọng của đào tạo nhân tài ở các trường đại học. Trong đó, tư duy phản biện, với tư cách là hạt nhân của tư duy bậc cao, từ lâu đã được coi trọng trong hệ thống giáo dục của các nước Âu - Mỹ, và được xem như phẩm chất cơ bản mà sinh viên đại học cần phải có.

Tuy nhiên, trong giảng dạy ngoại ngữ tại Việt Nam cũng như ở một số quốc gia châu Á, việc phát triển tư duy phản biện vẫn còn nhiều hạn chế. Các mô hình dạy học truyền thống quá nhấn mạnh vào việc truyền đạt và ghi nhớ kiến thức, mà coi nhẹ rèn luyện tư duy, dẫn đến tình trạng sinh viên tuy có năng lực ngôn ngữ nhất định nhưng lại thiếu khả năng suy nghĩ độc lập và phán đoán lý tính.

Đọc hiểu, với tư cách là một bộ phận quan trọng của học tập ngôn ngữ, không chỉ là con đường tiếp nhận tri thức mà còn là kênh rèn luyện năng lực tư duy. Nếu dạy đọc chỉ dừng lại ở mức độ hiểu từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc văn bản, thì khó có thể đáp ứng yêu cầu của xã hội ngày nay đối với nguồn nhân lực đa năng. Do vậy, vấn đề làm thế nào để tích hợp rèn luyện tư duy phản biện vào giảng dạy đọc hiểu vừa là nhiệm vụ cấp thiết của giáo dục ngoại ngữ, vừa là chìa khóa để nâng cao năng lực toàn diện của sinh viên.

2.1. Nội hàm và đặc trưng của tư duy phản biện

Trong lĩnh vực tư duy phản biện, nhà triết học Dewey đã sớm đặt nền tảng với tác phẩm “*Cách ta nghĩ*”, trong đó ông đưa ra năm bước của quá trình giải quyết vấn đề, được xem là khởi điểm quan trọng của việc nghiên cứu tư duy phản biện. Sau đó, nhiều học giả tiếp tục tìm hiểu khái niệm và đặc trưng hành vi của tư duy phản biện.

Về định nghĩa tư duy phản biện, có nhiều quan điểm khác nhau. Trong đó, định nghĩa của Ennis có tính đại diện: ông cho rằng “*tư duy phản biện là một kiểu tư duy hợp lý, nhằm xác định điều gì đáng tin và điều gì nên hành động*”. Ennis chỉ ra rằng tư duy phản biện bao gồm ba thành phần chính: thái độ (disposition), năng lực (ability) và chiến lược (strategy).

Tương tự, Facione (1990) cho rằng tư duy phản biện bao hàm bảy phương diện cốt lõi:

- (1) Tìm kiếm sự thật (*truth-seeking*),
- (2) Cởi mở (*open-mindedness*),
- (3) Phân tích (*analyticity*),
- (4) Tính hệ thống (*systematicity*),
- (5) Tò mò, ham học hỏi (*inquisitiveness*),

(6) Tự tin (*self-confidence*),

(7) Trưởng thành nhận thức (*cognitive maturity*).

Ennis còn phân loại năng lực tư duy phản biện thành ba kỹ năng cơ bản cùng nhiều chiến lược:

Khả năng làm rõ (clarification): nhận diện và làm sáng tỏ sự kiện, tình huống.

Khả năng lập luận (inference): xây dựng nền tảng suy luận vững chắc, đánh giá độ tin cậy của thông tin.

Khả năng suy luận mở rộng (reasoning): bao gồm diễn giải, quy nạp, suy diễn, so sánh và đánh giá.

Chiến lược tư duy phản biện nhấn mạnh khả năng lựa chọn hành động phù hợp, cũng như giao tiếp và hợp tác hiệu quả với người khác. Như Khổng Tử từng nói: “*Học mà không suy nghĩ thì uổng phí, suy nghĩ mà không học thì mệt mỏi vô ích*”. Kant cũng nhấn mạnh: “*Tư tưởng không có nội dung thì rỗng tuếch; tri giác không có khái niệm thì mù lòa*”. Điều đó cho thấy, tư duy phản biện không tồn tại trong khoảng trống. Người học trước hết phải có sự hiểu biết sâu sắc về nội dung, vấn đề hoặc bối cảnh được đánh giá, thì mới có khả năng xác định tính chân thực và độ tin cậy, từ đó tiến hành suy luận hợp lý để đưa ra quyết định đúng đắn. Tư duy phản biện đòi hỏi cá nhân phải vận dụng tri thức, kinh nghiệm và vốn sống, kết hợp với phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề một cách hệ thống và logic.

Tư duy phản biện không đơn thuần là “phê phán” hay “phản đối”, mà là một năng lực tư duy bậc cao dựa trên phân tích lý tính và suy luận bằng chứng. Học giả người Mỹ Ennis (1985) định nghĩa tư duy phản biện là “một kiểu tư duy hợp lý và

phản tư, nhằm xác định chúng ta nên tin điều gì hoặc nên hành động ra sao”; Paul & Elder (2006) cho rằng đó là “một quá trình tư duy tự định hướng, tự giám sát và tự điều chỉnh”. Như vậy, tư duy phản biện không chỉ dừng lại ở việc tiếp nhận thông tin, mà còn bao gồm kiểm chứng, chất vấn, đánh giá và sáng tạo.

Từ góc độ giáo dục học, tư duy phản biện có một số đặc trưng cơ bản:

(1) *Tính mục đích*: Hướng đến việc giải quyết vấn đề và đưa ra phán đoán hợp lý, chứ không phải hoài nghi một cách mù quáng.

(2) *Tính logic*: Đòi hỏi quá trình tư duy có sự thống nhất nội tại, có khả năng nhận diện lỗ hổng trong lập luận.

(3) *Tính phản tư*: Người học cần thường xuyên xem xét lại quá trình tư duy của chính mình, phát hiện và điều chỉnh những sai lệch.

(4) *Tính mở*: Khuyến khích tiếp nhận các góc nhìn đa dạng, từ đó hình thành quan điểm độc lập thông qua so sánh.

(5) *Tính sáng tạo*: Không chỉ phân tích và đánh giá, mà còn đề xuất ý tưởng mới hoặc giải pháp thay thế.

Có thể thấy, tư duy phản biện không phải là một “yếu tố phụ” tách rời việc học ngôn ngữ, mà chính là con đường để nâng cao năng lực ngôn ngữ và phát triển phẩm chất toàn diện của người học.

2.2. *Mối quan hệ giữa tư duy phản biện và đọc hiểu*

Đọc hiểu không chỉ là một kỹ năng then chốt trong quá trình học ngoại ngữ, mà còn là một hoạt động trí tuệ phức tạp, gắn liền với việc hình thành và phát triển tư duy của người học. Nếu các phương pháp giảng dạy truyền thống thường tập trung vào việc giải mã từ vựng, ngữ pháp

và cấu trúc câu, khiến sinh viên chủ yếu dừng lại ở mức tái hiện thông tin bề mặt, thì đọc hiểu theo đúng nghĩa phải vượt lên trên điều đó. Nó đòi hỏi người đọc phải thâm nhập vào tầng nghĩa sâu của văn bản, hiểu rõ quan điểm và ý đồ của tác giả, phân tích logic lập luận, đánh giá sức thuyết phục của chứng cứ, và trên cơ sở đó hình thành quan điểm riêng cũng như kiến tạo tri thức mới. Chính ở điểm này, tư duy phản biện và đọc hiểu trở thành hai yếu tố không thể tách rời, vừa hỗ trợ vừa thúc đẩy lẫn nhau.

Tư duy phản biện trước hết là tiền đề để người học đạt tới đọc hiểu ở chiều sâu. Khi thiếu đi sự chất vấn, phân tích và tự phản tư, quá trình đọc dễ rơi vào tình trạng hời hợt, chỉ nắm bắt thông tin mà không hiểu bản chất vấn đề. Chẳng hạn, một sinh viên có thể thuộc lòng các luận điểm trong bài nghị luận tiếng Trung về “bảo vệ môi trường”, nhưng nếu không tự hỏi rằng “luận điểm này dựa trên chứng cứ nào?”, “liệu còn quan điểm khác để bổ sung hoặc phản bác không?”, thì việc đọc vẫn chỉ dừng ở mức ghi nhớ mà chưa thực sự tạo ra sự hiểu biết. Ngược lại, khi sinh viên biết vận dụng tư duy phản biện để soi chiếu và chất vấn văn bản, việc đọc sẽ trở thành quá trình khám phá, giúp họ phát hiện điểm mạnh, điểm yếu trong lập luận, từ đó hình thành tri thức một cách chủ động và bền vững.

Ở chiều ngược lại, hoạt động đọc hiểu chính là phương tiện quan trọng để nuôi dưỡng và rèn luyện tư duy phản biện. Văn bản là một “tình huống giả định” phong phú, nơi người học có cơ hội thực hành phân tích, so sánh, đối chiếu và đánh giá liên tục. Mỗi lần đọc, sinh viên không chỉ tiếp nhận thông tin mà còn học cách xử lý, phản ứng và hình thành quan điểm

riêng. Nhờ vậy, qua quá trình đọc nhiều thể loại văn bản khác nhau - từ nghị luận xã hội, văn hóa đến các văn bản khoa học, chính trị - người học dần hình thành thói quen suy nghĩ độc lập, không chấp nhận thông tin một cách thụ động, mà luôn đặt câu hỏi, tìm kiếm bằng chứng và đưa ra đánh giá cá nhân.

Có thể khẳng định rằng tư duy phản biện và đọc hiểu là hai yếu tố bổ sung cho nhau trong quá trình học tập. Tư duy phản biện nâng cao trình độ đọc, giúp người học chuyển từ “đọc hiểu” sang “đọc thấu”, từ việc tái hiện thông tin sang việc chiếm lĩnh và sáng tạo tri thức. Ngược lại, đọc hiểu chất lượng cao cung cấp ngữ liệu phong phú và tình huống thực tiễn để người học thực hành, củng cố và phát triển tư duy phản biện. Khi được kết hợp trong giảng dạy, hai yếu tố này không chỉ góp phần nâng cao năng lực ngôn ngữ, mà còn phát triển khả năng phân tích logic, đánh giá hợp lý và hình thành lập luận độc lập cho sinh viên. Nhờ đó, quá trình dạy đọc hiểu không còn đơn thuần là rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, mà trở thành một con đường quan trọng để phát triển năng lực tư duy toàn diện, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của giáo dục đại học trong bối cảnh xã hội tri thức hiện nay.

2.3. Sự cần thiết của việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin phát triển mạnh mẽ, chỉ sở hữu năng lực ngôn ngữ đơn thuần đã không còn đủ để đáp ứng yêu cầu đối với nguồn nhân lực chất lượng cao. Người học ngoại ngữ ngày nay không chỉ cần có khả năng đọc hiểu và sử dụng ngôn ngữ thành thạo, mà còn phải biết phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề và

sáng tạo. Với vị trí là một khâu trọng tâm trong quá trình học tập ngôn ngữ, đọc hiểu tất yếu phải đảm đương thêm nhiệm vụ quan trọng: trở thành phương tiện rèn luyện và phát triển năng lực tư duy phản biện cho sinh viên.

Trước hết, điều này xuất phát từ yêu cầu của thời đại bùng nổ thông tin. Sinh viên mỗi ngày tiếp xúc với một lượng văn bản khổng lồ qua internet, mạng xã hội, sách báo và tài liệu học thuật. Nếu thiếu tư duy phản biện, họ khó có thể phân biệt được đâu là thông tin chính xác, đâu là thông tin sai lệch, đâu là tri thức khoa học và đâu chỉ là quan điểm chủ quan. Khi đó, việc đọc sẽ trở thành quá trình tiếp nhận thụ động, thậm chí dễ dẫn đến sự ngộ nhận hoặc bị thao túng bởi các nguồn tin thiếu kiểm chứng. Phát triển tư duy phản biện trong đọc hiểu chính là cách giúp sinh viên phát triển năng lực “lọc” thông tin, đánh giá tính chân thực và giá trị của văn bản, từ đó tiếp nhận tri thức một cách chủ động và có chọn lọc.

Thứ hai, việc nuôi dưỡng tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu còn phục vụ trực tiếp cho nhu cầu giao lưu liên văn hóa. Đọc hiểu không chỉ là quá trình tiếp nhận ngôn ngữ, mà còn là con đường tìm hiểu và so sánh các hệ giá trị văn hóa khác nhau. Khi đọc văn bản tiếng Trung Quốc, sinh viên có thể bắt gặp những quan niệm, cách lý giải sự việc mang tính đặc thù văn hóa của Trung Quốc. Nếu không có tư duy phản biện, họ dễ tiếp thu một chiều; ngược lại, nhờ biết phân tích và so sánh, sinh viên có thể đối chiếu với bối cảnh văn hóa Việt Nam, phương Tây hay các quốc gia khác, qua đó nâng cao khả năng nhận diện sự khác biệt và tăng cường năng lực giao tiếp liên văn hóa - một yêu cầu thiết yếu trong xã hội toàn cầu hóa.

Thứ ba, sự cần thiết này còn bắt nguồn từ định hướng đổi mới mục tiêu giáo dục. Nền giáo dục hiện đại đã chuyển dịch từ mô hình “lấy kiến thức làm trung tâm” sang “lấy năng lực làm trung tâm”, nhấn mạnh khả năng vận dụng, sáng tạo và phát triển toàn diện của người học. Trong bức tranh đó, tư duy phản biện được xem như một năng lực cốt lõi, không thể tách rời quá trình học tập ở bậc đại học. Tích hợp phát triển tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu là bước đi cụ thể để hiện thực hóa định hướng này, giúp việc giảng dạy thoát khỏi tính hàn lâm khép kín và gắn kết chặt chẽ hơn với yêu cầu của thực tiễn.

Cuối cùng, tư duy phản biện đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy học tập tự chủ - một phẩm chất ngày càng được coi trọng ở bậc đại học. Quá trình đọc hiểu, khi có sự hỗ trợ của tư duy phản biện, sẽ khuyến khích sinh viên liên tục đặt câu hỏi, tự tìm kiếm lời giải, đồng thời nhìn lại và đánh giá quá trình tư duy của bản thân. Đây chính là nền tảng giúp sinh viên hình thành thói quen tự học, tự điều chỉnh và phát triển năng lực học tập suốt đời, thay vì phụ thuộc hoàn toàn vào sự dẫn dắt của giảng viên.

Tóm lại, việc tích hợp tư duy phản biện trong giảng dạy đọc hiểu không chỉ nhằm nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn hướng tới mục tiêu phát triển con người toàn diện, biết sử dụng tri thức để phân tích, lý giải, sáng tạo và hành động. Đây là yêu cầu tất yếu của đổi mới giáo dục đại học, đồng thời cũng là con đường quan trọng để đào tạo thế hệ sinh viên có khả năng thích ứng với xã hội tri thức hiện đại.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này chủ yếu sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận, kết hợp với phân tích - so sánh và tổng hợp tài liệu

để hệ thống hóa các quan điểm về tư duy phản biện và dạy đọc hiểu trong giảng dạy ngoại ngữ. Các công trình kinh điển của Dewey, Ennis, Facione cùng những nghiên cứu hiện đại được tham chiếu nhằm xây dựng nền tảng lý thuyết. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn dựa trên quan sát thực tiễn giảng dạy và phản hồi từ sinh viên chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc để nhận diện những khó khăn và hạn chế trong việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện qua hoạt động đọc hiểu. Trên cơ sở kết hợp giữa dữ liệu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất mô hình giảng dạy bốn giai đoạn, coi đó như một định hướng khả thi nhằm tích hợp phát triển tư duy phản biện vào quá trình giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc.

IV. Kết quả và thảo luận

Đọc hiểu không chỉ là quá trình tiếp nhận thông tin ngôn ngữ, mà còn là hoạt động trí tuệ phức hợp, đòi hỏi người học phải phân tích, đánh giá và vận dụng tri thức một cách linh hoạt. Trong bối cảnh đào tạo tiếng Trung Quốc hiện nay, năng lực đọc hiểu cần gắn liền với tư duy phản biện để giúp sinh viên không chỉ hiểu văn bản, mà còn biết chất vấn, phản tư và sáng tạo dựa trên nội dung đã tiếp nhận.

Dựa trên cơ sở lý luận về dạy học ngoại ngữ và quá trình giảng dạy thực tiễn, bài viết đề xuất một mô hình giảng dạy bốn giai đoạn nhằm tích hợp việc rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện vào quá trình giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc. Bốn giai đoạn đó gồm: *giải mã văn bản - chất vấn phân tích - thảo luận phản tư - vận dụng mở rộng*. Mỗi giai đoạn vừa kế thừa kết quả của bước trước, vừa mở ra khả năng phát triển tư duy ở mức cao hơn, qua đó hình thành chuỗi tiến trình logic “*hiểu - chất vấn - phản tư - sáng tạo*”. Mô hình này có thể xem như khung định

hướng giúp giảng viên tổ chức hoạt động dạy đọc hiểu một cách hệ thống, đồng thời tạo môi trường học tập chủ động, khuyến khích sinh viên phát triển năng lực tư duy phản biện một cách bền vững.

4.1. Đối tượng áp dụng mô hình

Mô hình được thiết kế áp dụng cho sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Trung Quốc - giai đoạn người học đã có nền tảng ngữ pháp, từ vựng và khả năng hiểu văn bản cơ bản. Về năng lực ngôn ngữ, đối tượng mục tiêu tương đương trình độ HSK4-HSK5, có khả năng đọc hiểu văn bản trung - cao cấp, có thể nhận biết cấu trúc logic, nắm ý chính, nhưng còn hạn chế ở năng lực phân tích, so sánh và đánh giá thông tin. Mô hình hướng đến việc phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cấp độ tư duy bậc cao, đồng thời nâng cao năng lực phản biện trong xử lý thông tin, lập luận và diễn đạt.

4.2. Mô hình giảng dạy bốn giai đoạn

4.2.1. Giải mã văn bản - Hiểu và nắm bắt

Giai đoạn giải mã văn bản đóng vai trò như nền tảng ban đầu của toàn bộ quá trình rèn luyện tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu. Đây là bước giúp sinh viên nắm chắc nội dung bề mặt của văn bản, từ việc hiểu chính xác từ vựng, cấu trúc ngữ pháp cho đến việc nhận diện các mối quan hệ logic trong câu và đoạn. Nếu không có bước khởi đầu này, sinh viên khó có thể bước sang những hoạt động tư duy bậc cao hơn như phân tích, chất vấn hay phản tư, bởi họ chưa đủ cơ sở ngôn ngữ và nhận thức để tiếp cận chiều sâu nội dung. Vì vậy, giải mã văn bản không chỉ dừng lại ở “hiểu nghĩa” mà còn là quá trình khởi động tư duy, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện trong các giai đoạn tiếp theo.

Trong thực tiễn giảng dạy, giảng viên có thể hướng dẫn sinh viên nhận diện từ khóa và các hiện tượng ngữ pháp trọng tâm, đồng thời tổ chức hoạt động tóm tắt ý chính nhằm giúp người học hình thành cái nhìn khái quát về văn bản. Chẳng hạn, với một bài đọc về chủ đề bảo vệ môi trường, sinh viên sẽ được yêu cầu tìm ra các từ khóa như 环境保护 (bảo vệ môi trường), 可持续发展 (phát triển bền vững), 责任 (trách nhiệm) và nắm bắt cấu trúc “不仅……而且……” (không chỉ... mà còn...), từ đó xác định luận điểm cốt lõi của tác giả. Hoạt động này có thể triển khai dưới nhiều hình thức: sinh viên làm việc cá nhân để viết tóm tắt ngắn gọn, thảo luận theo cặp để đối chiếu hiểu biết, hoặc tham gia các câu hỏi định hướng nhanh trên lớp như: “Tác giả muốn chứng minh điều gì?” hay “Câu nào thể hiện luận điểm chính?”. Những công cụ trực quan như bản đồ tư duy hay sơ đồ cấu trúc đoạn văn cũng có thể được sử dụng để giúp sinh viên hệ thống hóa nội dung một cách mạch lạc.

Khi dạy đọc một đoạn nghị luận ngắn về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, giảng viên có thể dẫn dắt sinh viên qua các bước: giải mã từ vựng và cấu trúc, nắm bắt ý chính, viết tóm tắt ngắn bằng tiếng Trung, rồi chuẩn bị cho bước chất vấn bằng những câu hỏi gợi mở như: “Tại sao tác giả cho rằng bảo vệ môi trường liên quan trực tiếp đến chất lượng cuộc sống hiện tại?”. Bằng cách này, sinh viên không chỉ hiểu nghĩa câu chữ mà còn bắt đầu hình thành thói quen đặt câu hỏi về nội dung, mở ra cầu nối tự nhiên sang giai đoạn phân tích - chất vấn.

Ý nghĩa của giai đoạn giải mã văn bản nằm ở chỗ nó giúp sinh viên rèn luyện khả năng đọc hiểu sâu, tránh tình trạng dịch từng câu rồi rạc mà bỏ qua mạch

logic của văn bản. Đồng thời, thông qua việc tìm luận điểm chính, sinh viên phát triển kỹ năng đọc phân tích và tư duy có hệ thống, hình thành thói quen tiếp cận văn bản một cách chủ động và có định hướng. Đây chính là nền tảng ngôn ngữ - nhận thức vững chắc để sinh viên có thể bước sang các tầng tư duy phản biện cao hơn, biến việc đọc hiểu không chỉ là tiếp nhận thông tin, mà là khởi đầu cho hành trình chất vấn, phản tư và sáng tạo tri thức mới.

4.2.2. Chất vấn phân tích - Phát hiện và đánh giá

Sau khi đã giải mã và nắm bắt nội dung bề mặt của văn bản, sinh viên cần được dẫn dắt bước sang giai đoạn chất vấn và phân tích - giai đoạn trung tâm để hình thành năng lực tư duy phản biện. Nếu như giai đoạn đầu giúp người học hiểu “tác giả viết gì”, thì giai đoạn chất vấn yêu cầu họ suy nghĩ sâu hơn về “tại sao tác giả lại viết như vậy”, “luận điểm này có hợp lý không” và “liệu có cách nhìn khác thay thế hay bổ sung cho quan điểm của tác giả”. Việc chất vấn và phân tích buộc sinh viên phải nhìn nhận văn bản không như một chân lý tuyệt đối, mà như một sản phẩm chứa đựng quan điểm, giả định và thậm chí cả thiên kiến, từ đó hình thành thái độ học tập chủ động và độc lập.

Giảng viên có thể triển khai giai đoạn này bằng cách đưa ra hệ thống câu hỏi gợi mở mang tính chất phân tích và phê phán. Ví dụ, khi học một bài đọc về vai trò của công nghệ trong giáo dục, thay vì yêu cầu sinh viên nhắc lại lợi ích mà tác giả nêu, giảng viên có thể đặt câu hỏi: “Tác giả đã dựa vào chứng cứ nào để khẳng định công nghệ nâng cao hiệu quả học tập? Những dẫn chứng này có đủ sức thuyết phục chưa? Có yếu tố quan trọng nào bị bỏ qua không, chẳng hạn tác động

tiêu cực của công nghệ đến thói quen học tập?”. Những câu hỏi như vậy không chỉ khuyến khích sinh viên tìm bằng chứng trong văn bản mà còn thôi thúc họ liên hệ với kiến thức và trải nghiệm cá nhân để mở rộng phân tích. Hay với chủ đề về bảo vệ môi trường, thay vì chỉ dừng lại ở việc hiểu rằng tác giả nhấn mạnh “bảo vệ môi trường không chỉ liên quan đến chất lượng cuộc sống hiện tại mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của thế hệ tương lai”, giảng viên có thể gợi ý: “Theo bạn, luận điểm này có thuyết phục không? Có số liệu hoặc ví dụ cụ thể nào được đưa ra để chứng minh chưa? Nếu đặt trong bối cảnh Việt Nam, liệu có điểm gì khác biệt trong cách nhìn nhận vấn đề này?”. Khi buộc phải trả lời những câu hỏi này, sinh viên sẽ dần hình thành kỹ năng phát hiện khoảng trống trong lập luận, đánh giá độ tin cậy của chứng cứ và so sánh sự khác biệt giữa các bối cảnh xã hội - văn hóa.

Chất vấn phân tích tạo cho sinh viên thói quen đặt câu hỏi thay vì chấp nhận một cách thụ động. Quá trình chất vấn giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích lập luận, phát hiện mâu thuẫn, nhận diện thiên kiến và đánh giá sức mạnh của chứng cứ. Đồng thời, đây cũng là bước chuẩn bị quan trọng để sinh viên bước sang giai đoạn thảo luận và phản tư, nơi họ sẽ phải bảo vệ quan điểm, lắng nghe phản hồi và tiếp tục điều chỉnh cách suy nghĩ của mình. Như vậy, chất vấn và phân tích không chỉ là một hoạt động học tập cụ thể, mà còn là một kỹ năng sống còn, giúp sinh viên xây dựng tư duy độc lập và năng lực phê phán cần thiết cho việc học tập suốt đời.

4.2.3. Thảo luận phản tư - Trao đổi và chỉnh sửa

Sau khi đã chất vấn và phân tích văn bản, sinh viên cần được tham gia

vào các hoạt động trao đổi và phản tư, nơi những quan điểm khác nhau được trình bày, so sánh và điều chỉnh. Đây là bước giúp người học không chỉ khẳng định tiếng nói cá nhân mà còn học cách lắng nghe, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh suy nghĩ của mình. Thảo luận trên lớp tạo cơ hội để sinh viên va chạm trực tiếp giữa các ý tưởng, qua đó hình thành năng lực chấp nhận và xử lý sự khác biệt. Phản tư sau thảo luận lại đóng vai trò như một “tấm gương soi”, cho phép sinh viên quay lại nhìn chính quá trình lập luận của bản thân: họ đã nêu được gì, bỏ sót điều gì và có thay đổi quan điểm hay không sau khi nghe ý kiến người khác.

Chẳng hạn như, với chủ đề về bảo vệ môi trường, giảng viên có thể đưa ra câu hỏi mở: “Trách nhiệm bảo vệ môi trường chủ yếu thuộc về ai: chính phủ, cá nhân hay doanh nghiệp?”. Khi đó, các nhóm sinh viên sẽ đưa ra những quan điểm khác nhau: có nhóm khẳng định vai trò trung tâm của chính phủ vì có quyền ban hành chính sách, nhóm khác lại nhấn mạnh tầm quan trọng của cá nhân trong việc thay đổi thói quen sinh hoạt, trong khi nhóm thứ ba đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Quá trình tranh luận buộc mỗi nhóm phải xây dựng lập luận chặt chẽ, phản biện quan điểm đối lập và đưa ra ví dụ minh chứng. Sau khi kết thúc, giảng viên không đưa ra một “đáp án đúng” duy nhất, mà khuyến khích sinh viên viết một đoạn phản tư ngắn bằng tiếng Trung, trong đó thể hiện sự thay đổi hoặc củng cố quan điểm cá nhân sau khi nghe các ý kiến đa chiều. Một sinh viên có thể viết: “Ban đầu tôi nghĩ chỉ chính phủ cần chịu trách nhiệm chính. Nhưng sau thảo luận, tôi nhận thấy nếu thiếu sự tham gia của cá nhân và doanh nghiệp thì chính sách khó khả thi. Vì vậy, tôi cho rằng cả ba đều có

trách nhiệm, chỉ là chính phủ đóng vai trò chủ đạo.”.

Giá trị của giai đoạn này không chỉ nằm ở việc sinh viên học cách tranh luận, mà còn ở khả năng tự điều chỉnh và hoàn thiện tư duy thông qua đối thoại. Thảo luận phản tư tạo ra sự dịch chuyển từ “học từ văn bản” sang “học từ bạn bè và chính mình”, mở rộng góc nhìn và nuôi dưỡng tinh thần khoan dung học thuật. Đây cũng là bước quan trọng giúp sinh viên rèn luyện năng lực tự nhận thức - nền tảng để phát triển tư duy phản biện bền vững và độc lập trong học tập lẫn cuộc sống.

4.2.4. Vận dụng mở rộng - Chuyển giao và sáng tạo

Giai đoạn vận dụng mở rộng là bước cuối cùng trong mô hình bốn giai đoạn, nơi sinh viên được khuyến khích chuyển giao tri thức từ văn bản sang những bối cảnh mới, đồng thời phát huy năng lực sáng tạo. Nếu ba giai đoạn trước chủ yếu tập trung vào việc hiểu, chất vấn và điều chỉnh tư duy, thì giai đoạn này chính là lúc sinh viên chứng minh khả năng áp dụng và sáng tạo, từ đó nhận thấy rõ giá trị thực tiễn của tư duy phản biện. Việc vận dụng không chỉ giúp củng cố kiến thức mà còn kết nối nội dung văn bản với các vấn đề xã hội, văn hóa hay nghề nghiệp, biến giờ đọc hiểu thành cầu nối giữa học thuật và cuộc sống.

Trong thực tế giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc, giai đoạn này có thể triển khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Giảng viên có thể yêu cầu sinh viên tìm ví dụ từ thực tế xã hội, thời sự hoặc trải nghiệm cá nhân để so sánh với quan điểm trong văn bản. Một bài tập đơn giản có thể là: “Hãy đề xuất ba biện pháp bảo vệ môi trường mà sinh viên có thể thực hiện trong đời sống hằng ngày, dựa trên nội dung

bài đọc và tình huống thực tiễn.”. Các câu trả lời của sinh viên có thể bao gồm những hành động thiết thực như giám sử dụng nhựa dùng một lần bằng cách mang theo bình nước cá nhân, lựa chọn phương tiện giao thông công cộng để hạn chế khí thải, hoặc tổ chức hoạt động tuyên truyền trong khuôn viên trường nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Ngoài ra, sinh viên cũng có thể được giao nhiệm vụ sáng tạo hơn, chẳng hạn thiết kế poster tuyên truyền bằng tiếng Trung để treo trong khuôn viên giảng đường, hay phân tích chính sách môi trường của một công ty Trung Quốc đang đầu tư tại Việt Nam để đối chiếu với luận điểm trong văn bản. Những hoạt động này vừa rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, vừa giúp sinh viên thấy được sự gắn kết giữa nội dung học tập và các vấn đề xã hội nóng hổi.

Điều quan trọng là trong giai đoạn này giảng viên không áp đặt “đáp án đúng”, mà đóng vai trò khuyến khích, định hướng và tạo không gian để sinh viên trình bày những góc nhìn đa dạng. Khi được trao quyền tự do sáng tạo và liên hệ, sinh viên sẽ học cách nhìn nhận vấn đề từ nhiều khía cạnh, đồng thời rèn luyện khả năng giải quyết vấn đề thực tế bằng tư duy phản biện. Tác động đối với người học trong giai đoạn này rất rõ rệt: họ nhận thấy rằng đọc hiểu và tư duy phản biện không dừng lại ở lớp học, mà có thể được chuyển giao vào thực tế đời sống và nghề nghiệp. Việc được kết nối tri thức ngôn ngữ với các vấn đề xã hội nóng hổi giúp sinh viên thêm hứng thú học tập, đồng thời phát triển các kỹ năng quan trọng như giải quyết vấn đề, sáng tạo và làm việc nhóm. Quan trọng hơn, giai đoạn này giúp hình thành tinh thần học tập suốt đời - một phẩm chất cần thiết trong bối cảnh tri thức toàn cầu luôn biến đổi.

Mô hình bốn giai đoạn “*giải mã - chất vấn - phản tư - sáng tạo*” thể hiện một tiến trình logic, từ việc hiểu văn bản ở mức ngôn ngữ - nội dung, đến phân tích lập luận, rồi trao đổi - điều chỉnh tư duy, và cuối cùng là vận dụng sáng tạo vào tình huống mới. Quá trình này không chỉ củng cố năng lực đọc hiểu mà còn từng bước nuôi dưỡng tư duy phản biện của sinh viên trong môi trường học tập tiếng Trung Quốc. Việc áp dụng mô hình vào giảng dạy mang lại ba ý nghĩa nổi bật:

(1) *Tính hệ thống*: giúp sinh viên tiếp cận văn bản theo từng bậc thang tư duy, tránh tình trạng học rời rạc hoặc thiên lệch về ngôn ngữ thuần túy.

(2) *Tính thực tiễn*: tạo cơ hội cho người học kết nối tri thức ngôn ngữ với vấn đề xã hội, văn hóa, nghề nghiệp, từ đó thấy được giá trị ứng dụng của việc học tiếng Trung Quốc.

(3) *Tính phát triển lâu dài*: hình thành thói quen đọc hiểu chủ động, biết chất vấn, phản tư và sáng tạo - những phẩm chất cốt lõi của người học ngoại ngữ trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

Có thể thấy, mô hình phát triển tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Trung Quốc, mà còn mở ra hướng tiếp cận phù hợp để phát triển năng lực tư duy và kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên.

4.3. Tiêu chí và công cụ đánh giá

4.3.1. Mục đích và định hướng đánh giá

Đánh giá tính khả thi và hiệu quả của mô hình nhằm kiểm chứng xem các hoạt động dạy - học được thiết kế có thực sự phát triển năng lực tư duy phản biện thông qua đọc hiểu tiếng Trung Quốc hay không, đồng thời xem xét mức độ phù

hợp của mô hình với điều kiện dạy học hiện nay.

Mục tiêu không chỉ đo lường kết quả học tập, mà còn đánh giá quá trình, hành vi, thái độ và sự thay đổi trong nhận thức của người học.

4.3.2. Bộ tiêu chí đánh giá

Để thấy được tính khả thi và hiệu quả của mô hình giảng dạy bốn giai đoạn, nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí và công cụ đánh giá gồm:

Bảng 1. Bộ tiêu chí và công cụ đánh giá

Nhóm tiêu chí	Mục tiêu đánh giá cụ thể	Chỉ báo năng lực/ Biểu hiện quan sát	Công cụ đo lường - minh chứng
1. Kết quả học tập	Xác định sự thay đổi trong khả năng đọc hiểu ở các cấp độ: nhận biết, phân tích, đánh giá và phản tư.	- Phân biệt được luận điểm chính và luận cứ phụ trong văn bản. - Phân tích được quan điểm, mục đích, cảm xúc của tác giả. - Đưa ra phản biện hợp lý dựa trên bằng chứng ngôn ngữ.	- Rubric đánh giá bài đọc - viết phản biện gồm 4 tiêu chí: Hiểu nội dung, Phân tích logic, Lập luận - phản biện, Diễn đạt ngôn ngữ. - Bài kiểm tra trước và sau học phần để đo tiến bộ định lượng.
2. Hành vi học tập	Đánh giá mức độ chủ động, hợp tác và phản tư của sinh viên trong quá trình học.	- Đặt câu hỏi phản tư khi đọc. - Tích cực thảo luận, trình bày và phản biện ý kiến. - Biết tự điều chỉnh chiến lược đọc.	- Phiếu quan sát lớp học dành cho giảng viên. - Nhật ký học tập cá nhân (sinh viên tự ghi nhận tiến trình). - Khảo sát tự đánh giá năng lực tự duy phản biện.
3. Hiệu quả nhận thức - cảm xúc	Đo mức độ hứng thú, tự tin và cảm nhận về giá trị của việc học đọc hiểu gắn với tư duy phản biện.	- Cảm thấy hứng thú, có động lực khi đọc văn bản khó. - Tự tin thể hiện quan điểm cá nhân bằng tiếng Trung Quốc. - Nhận thức rõ vai trò của phản biện trong học tập.	- Bảng hỏi Likert 5 mức độ đo hứng thú - tự tin - thái độ. - Phỏng vấn bán cấu trúc sau học phần để thu thập phản hồi định tính.

4.3.3. Quy trình triển khai đánh giá

Trước khi áp dụng mô hình:

Tiến hành khảo sát năng lực đọc hiểu và tư duy phản biện ban đầu bằng bài kiểm tra chuẩn hóa (pre-test).

Thu thập dữ liệu về thói quen đọc, công cụ học, thái độ với phản biện qua phiếu hỏi.

Trong quá trình áp dụng:

Giảng viên quan sát, ghi nhận hành vi học tập (mức độ tham gia thảo luận, số lần đặt câu hỏi phản tư).

Sinh viên ghi nhật ký học tập định kỳ để phản ánh cảm nhận và tự điều chỉnh chiến lược.

Sau khi kết thúc mô hình:

Thực hiện bài kiểm tra cuối kỳ (post-test) để so sánh kết quả với ban đầu.

Tổ chức phỏng vấn nhóm và thu thập phản hồi định tính để đánh giá cảm nhận về hiệu quả mô hình.

Phân tích thống kê (paired-sample t-test) để kiểm chứng sự thay đổi có ý nghĩa thống kê trong năng lực đọc hiểu và phản biện.

4.3.4. Cách thức tổng hợp và phân tích kết quả

Phân tích định lượng: Sử dụng phần mềm SPSS hoặc Excel để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn, kiểm định sự khác biệt giữa pre-test và post-test.

Phân tích định tính: Dựa vào phân hồi mở, trích dẫn nhật ký học tập và phỏng vấn để rút ra mô hình thay đổi nhận thức.

Tổng hợp kết quả: Kết hợp hai nguồn dữ liệu giúp hình thành bức tranh toàn diện về tác động của mô hình, bảo đảm tính khách quan và độ tin cậy.

Hệ thống tiêu chí và công cụ trên không chỉ đo lường hiệu quả mô hình mà còn đóng vai trò định hướng cho việc cải tiến phương pháp giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung theo định hướng phát triển tư duy phản biện. Kết quả đánh giá có thể được dùng làm cơ sở cho việc điều chỉnh nội dung học phần, thiết kế giáo trình, và định hướng đổi mới phương pháp giảng dạy cho giảng viên trong các chương trình đào tạo ngôn ngữ Trung Quốc hiện nay.

V. Kết luận

Là một thành tố quan trọng trong hệ năng lực cốt lõi của sinh viên đại học, kỹ năng tư duy phản biện cần phải được chú trọng đúng mức trong giảng dạy đọc hiểu. Bài viết này đã hệ thống lại nội hàm và đặc trưng của tư duy phản biện, phân tích mối quan hệ giữa nó với năng lực đọc hiểu, chỉ ra sự cần thiết của việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong dạy đọc hiểu, qua đó đề xuất mô hình giảng dạy bốn giai đoạn trong giảng dạy đọc hiểu tiếng Trung Quốc.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, giảng dạy đọc hiểu không nên chỉ dừng lại ở việc truyền đạt tri thức ngôn ngữ, mà cần gánh vác nhiệm vụ phát triển năng lực tư duy cho sinh viên. Thông qua tiến trình rèn luyện theo chuỗi “*giải mã văn bản - chất vấn phân tích - thảo luận phản tư - vận dụng mở rộng*”, sinh viên có thể dần hình thành thói quen đặt câu hỏi, phân tích, phản tư và sáng tạo. Nhờ vậy, vừa nâng cao năng lực đọc hiểu, vừa nội hóa phẩm chất tư duy phản biện.

Tuy nhiên, nghiên cứu này vẫn mang tính bước đầu; trong thực tiễn giảng dạy, cần có thêm nhiều nghiên cứu thực chứng để kiểm nghiệm hiệu quả. Trong tương lai, có thể kết hợp với các loại văn bản khác nhau, đối tượng người học ở nhiều trình độ khác nhau, để tìm ra phương pháp giảng dạy có tính chuyên biệt hơn, góp phần làm phong phú thêm cơ sở lý luận và thực tiễn cho giảng dạy ngôn ngữ Trung Quốc.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi đề tài cấp Trường Đại học Mở Hà Nội, mã số MHN2024-02.39.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Debra, M. (2007). *Developing thinking; Developing learning*. McGraw-Hill Education.
- [2]. Dewey, J. (2021). *Cách ta nghĩ* (V. Đ. Anh, dịch). NXB Tri Thức.
- [3]. Ennis, R. H. (1985). A logical basis for measuring critical thinking skills. *Educational Leadership*, 43(2), 44-48.
- [4]. Facione, P. A. (1990). *Critical thinking: A statement of expert consensus for purposes of educational assessment and instruction*. The California Academic Press.
- [5]. Liu, Y. Y. (刘莹莹). (2022). 基于批判性思维的大学英语阅读教学策略. 英语广场.
- [6]. Liu, Z. (刘志). (1973). 中国教师之道. Zhonghua Book Company.
- [7]. Paul, R., & Elder, L. (2006). *Critical thinking: Tools for taking charge of your learning and your life* (2nd ed.). Pearson Prentice Hall.
- [8]. Tincu, M. F. (2001). *What is critical thinking and how critical thinking improves student learning*. University of Northern Iowa.
- [9]. Wang, T. (2006, November). *Understanding Chinese culture and learning*. AARE Annual Conference, Adelaide, Australia.
- [10]. Zhang, J. (张娟). (2019). 大学英语阅读教学中的批判性思维能力培养研究. 湖北开放职业学院学报.

CHINESE READING COMPREHENSION TEACHING MODEL ORIENTED TO CRITICAL THINKING SKILL DEVELOPMENT

Pham Thi Chuan¹, Nguyen Minh Phuong²

Abstract: *This article emphasizes the central role of cultivating critical thinking skills in reading instruction for students majoring in Chinese Language. Critical thinking is not only a tool to support deeper reading comprehension but also a core competency that enables students to actively analyze, evaluate, and generate knowledge. Based on the analysis of the relationship between critical thinking and reading comprehension, the study proposes a four-stage teaching model: text decoding, analytical questioning, reflective discussion, and extended application. This model allows students not only to acquire linguistic knowledge but also to develop habits of inquiry, multidimensional comparison, reflection, and creativity. The expected outcome is to enhance sustainable critical thinking ability, thereby contributing to the development of autonomous learning and intercultural communication competence in the context of higher education.*

Keywords: *critical thinking, reading comprehension, Chinese language, instructional model*

¹ Hanoi Open University